

## Ảnh hưởng của Phật Giáo qua thi ca bình dân

Đạo Phật du nhập vào Việt Nam ở cuối thế kỷ thứ II theo hai con đường thủy và bộ. Về đường thủy do các nhà sư và thương gia Ấn Độ, người Trung Á; về đường bộ thì từ Trung Hoa truyền vào. Ngay từ buổi đầu, Phật Giáo đã tạo nên được những liên hệ mật thiết trên con đường thăng tiến của dân tộc và trải qua gần hai ngàn năm truyền bá phát triển, tuy có lúc thịnh, lúc suy theo sự thăng trầm của đất nước, nhưng Phật Giáo cũng đã tạo được những gắn bó tốt đẹp với dân tộc, thể hiện qua phong tục tập quán, văn hóa, nghệ thuật, ngôn ngữ, tư duy... nhất là ảnh hưởng sâu đậm trong dân chúng, lớp người bị áp bức bóc lột tận xương tủy. Đạo Phật đã mang lại cho họ niềm tin sâu xa về thuyết nhân quả, luân hồi, nghiệp báo, để họ tự an ủi và tạo cho mình một cuộc sống tốt đẹp hơn ở hiện tại cũng như ở kiếp sau, nên họ thường bộc lộ niềm tin đó qua tục-ngữ, ca-dao hay thi ca.

Trước hết, về ý niệm của nhân quả, người bình dân rất tin tưởng luật nhân quả. Họ cho rằng: *"Thiên võng khời khời, sơ nhi bất lậu"* nghĩa là: *"lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà không thể lọt được"*. Đời người là một chuỗi dài nhân quả, vay trả, trả vay, đó là: *"Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ"* và *"Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu"*.

Trong Kinh Nhân Quả Đức Phật dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, Kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, Kim sanh tác giả thị"*. Nghĩa là:

*Muốn biết cái nhân đời trước, xem cái quả đời này có.  
Muốn biết cái quả đời sau, xem việc làm đời này vậy.*

Do đó, người bình dân còn tin rằng không những mình làm mình chịu mà con cháu mình cũng bị ảnh hưởng đến việc làm tốt xấu của mình:

*"Ông cha kiếp trước khéo tu,  
Sanh ra con cháu võng dù nghênh ngang."*

Hoặc là: *"Đời cha ăn mặn, đời con khát nước."* Hay là: *"Trách ai kiếp trước vụng tu, Sanh ra con cháu chổng*

*khu la làng"*. Vì vậy, họ luôn cố tạo phúc đức để lại cho con cháu sau này:

*"Người trồng cây Hạnh người chơi,  
Ta trồng cây Đức để đời cho con"*.

Ý nói trồng cây Hạnh ăn được trái nhưng chỉ được một thời gian rồi hết, chỉ có phước đức thì hưởng hoài không bao giờ dứt.

Theo người bình dân thì luật nhân quả không chỉ bị ảnh hưởng từng cá nhân, gia đình mà còn liên hệ đến dòng họ nhiều đời không thể nào thoát ra được: *"Có cây thì dây mới leo, Có cột, có kèo mới thả đòn tay."*

Hoặc là: *"Ba vương mà sánh bầy tròn,  
Đời cha vinh hiển, đời con sang giàu."*

Đạo Phật lấy từ bi làm phương châm hành động và lấy giới luật làm thầy, nhất là không được sát sanh, dù là một sinh vật bé bỏng đi nữa, bởi vì Đức Phật dạy: *"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh"* và mỗi loài đều sẽ thành Phật. Người bình dân đã biết rõ luật nhân quả, nên khuyên bảo nhau giữ gìn giới sát:

*"Chiều chiều bắt kết nhỏ lông,  
Két kêu bỏ chị, chị đừng sát nhân."*

Ý nói con kết bị người bắt nhỏ lông làm thịt cho mỗi bữa cơm chiều, nhưng trước khi chết, kết biết gọi người bằng chị và khuyên người không nên giết hại vì con kết cũng biết nói tiếng người và cũng có Phật tánh như loài người thì có khác gì chị em với nhau.

Đã gây nghiệp sát thì sẽ bị quả khổ, nhân nào quả nấy, nên người xưa thường nhắc nhở: *"Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai tri"*, nghĩa là: *"Việc lành hay việc dữ đều có quả báo, chỉ khác nhau đến sớm hoặc đến muộn mà thôi."*

Về ý niệm luân hồi, người bình dân tin rằng con người khi chết rồi còn phải đầu thai lại cõi đời này hay một thế giới khác để trả quả báo thiện hay ác. Vì vậy, họ khuyên bảo nhau cố gắng làm lành, tránh điều ác để được quả báo tốt: *"Ai ở hãy ở cho lành,  
Kiếp này chẳng được để dành kiếp sau."*

Họ còn tin tưởng sự tuần hoàn trong vũ trụ có ảnh hưởng đến cuộc sống con người, hết giàu đến nghèo, hết khổ đến sướng như cái bánh xe quay mãi không ngừng: *"Không ai giàu ba họ, Không ai khó ba đời."*

Nhiều lúc họ thấy đời người quá ngắn ngủi, chịu nhiều đau khổ và lòng người thật ác độc tàn hại lẫn nhau, nên họ sanh ra bi quan, nguyện kiếp sau làm cây rừng sẽ thoải mái hơn: *"Kiếp sau, xin chớ làm người,  
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo."*



Nhà thơ Tản Đà trong những năm làm báo túng quẫn, bị người phê phán chỉ trích đủ thứ, khiến ông chán đời, ngán ngẫm kiếp người và nguyện kiếp sau đầu thai làm chim nhạn bay giữa trời sẽ vui hơn: “*Kiếp sau xin chớ làm người, Làm con chim nhạn tung trời mà bay.*”

Hoặc việc tình duyên đôi lứa không thành họ đành nguyện ở kiếp sau: “*Kiếp này cách trở đôi ta, Kiếp sau xin nguyện một nhà sống chung.*”

Về ý niệm vô thường, người bình dân tỏ ra rất am tường, bởi lẽ trong cuộc sống cơ cực hằng ngày họ chứng kiến biết bao cảnh đổi thay của cuộc đời; có đó rồi không đó, giàu đó rồi nghèo đó, sướng đó rồi khổ đó, thật là đời người lên voi xuống chó và mạng người cũng theo như vạn vật biến đổi không ngừng:

“*Đời người như đóa phù du,  
Sớm còn tối mất công phu lỡ làng.*”

Chỉ trong một đêm mọi vật đều thay đổi, ruộng dâu biến thành biển xanh, ngay cả lời nguyện ước thề nguyện lứa đôi:

“*Đêm qua vật đổi sao dời,  
Tiếc công gấn bó nhờ lời giao đoan.*”

Hoặc là: “*Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm,  
Trời còn luân chuyển hướng mồm thế gian.*”

Về ý niệm giải thoát khổ đau, họ ý thức đời là một biển khổ và con người được sanh ra để chịu khổ: sanh, già, bệnh, chết, cho nên họ đã tin lời Đức Phật dạy: “*Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước bốn biển*”. Do đó, họ nhắc nhở nhau cố gắng tu hành để giải thoát cõi đời ô trược này: “*Lénh đèn qua cửa Thần-phù, Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm*”. Đối với người bình dân, Phật A Di Đà rất có duyên với họ, cho nên họ tin tưởng Đức Phật sẽ rước họ về Tây Phương Cực Lạc: “*Đường về Cực-lạc tuy xa, Tôi niệm Đức Phật Di Đà rước tôi*”.

Hoặc là: “*Chấp tay lạy Phật Di Đà,  
Cứu con thoát khỏi Ta-Bà trầm luân*”.

Về ý niệm nghiệp báo, họ tin rằng con người đều có quả báo tốt xấu, tùy theo nghiệp thiện hay ác nghiệp mà họ đã tạo ra. Mọi hành động tạo tác do ba nghiệp thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp lúc nào cũng theo sát bên ta như bóng hình, tùy thời gian mau chậm mà thôi.

“*Đời xưa trả báo thì chày,  
Đời nay trả báo một giây nhãn tiền*”.

Đời người là một chuỗi dài trả nợ cho nhau, đã sanh ra cõi đời này đều mắc nợ nhau cả, nên cố gắng tránh mọi hệ lụy hằng ngày, đừng tạo thêm cái nghiệp nợ nần: “*Con là nợ, vợ là oan gia, cửa nhà là nghiệp báo*”. Theo họ thì vợ chồng, con cháu đều là nợ nần với nhau cả, nếu không phải là nợ thì cũng là oan trái tiền kiếp vậy:

“*Chồng gì anh, vợ gì tôi,  
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây.  
Mỗi người một nợ cầm tay,  
Đời xưa nợ vợ, người nay nợ chồng.*”

Cảnh chồng già vợ trẻ, thường thấy rất nhiều ở Việt Nam. Đối với người đàn ông thì đây là một điểm phúc, nhưng đối với người vợ trẻ thì thật là thảm, bởi vì phần nhiều không phải yêu nhau mà do bị bắt buộc, như một anh tá điền đem con gái mình gả cho ông chủ ruộng để trừ món nợ đã vay hoặc bọn cường hào ác bá trong làng bắt ép con gái nhà lành làm thiếp, do đó tuy các cô mang tiếng lấy chồng nhưng trong lòng lúc nào cũng buồn khổ và thường an ủi cho đó là nợ truyền kiếp phải trả kiếp này cho xong:

“*Vô duyên, vô phúc! Múc phải anh chồng già.  
Ra đường người hỏi rằng cha hay chồng?  
Nói ra đau đớn trong lòng,  
Ấy cái nợ truyền kiếp có phải chồng em đâu!*”

Ngoài ra, người bình dân còn thể hiện lòng từ bi cứu người khốn khổ hoạn nạn: “*Dẫu xây chín bậc phù đồ,  
Không bằng làm phúc cứu cho một người*”.

Họ còn biết tu tập đức nhẫn nhục, chịu đựng mọi thử thách, không oán trời, trách người: “*Chữ nhẫn là chữ tượng vàng, Ai mà nhẫn được thì càng sống lâu*”.

Nhất là lúc nào cũng biết đủ, không tham, cướp đoạt của người: “*Ở đời hễ tham thì thâm,  
Bụt đã bảo thắm rằng chớ có tham*”.

Họ còn biết thích nghi hoàn cảnh trong cuộc sống không lập dị kiểu cách cho mình là ta đây hơn hết: “*Đi với Phật mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy*”.

Đạo Phật là đạo hiếu, hạnh Phật là hạnh hiếu. Ngay như Đức Phật còn tại thế, ngài thể hiện lòng hiếu thảo qua việc nuôi bệnh cho vua cha và khi phụ hoàng qua đời, Ngài đưa vai khiêng quan tài vua cha đến nơi an nghỉ cuối cùng. Ngài thường dạy các đệ tử ra đời không gặp Phật, thờ cha mẹ tức là thờ Phật. Vì vậy, người bình dân thấm nhuần lời Phật, nên thường khuyên con cháu giữ gìn tròn đạo hiếu:

“*Tu đâu không bằng tu nhà,  
Thờ cha kính mẹ mới là đi tu*”.

Hoặc là: “*Thứ nhất tu nhà, thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa*”. Lòng hiếu thảo nhắc nhở người con lúc nào cũng nghĩ đến cha mẹ: “*Đến chùa thấy Phật muốn tu,  
Về nhà thấy mẹ mà tu không đành*”.

Hay là: “*Chấp tay niệm Phật Di Đà,  
Đi tu bỏ mẹ tuổi già ai lo*”.



(Còn tiếp)

**Đồng Minh**